

CÔNG TY CỔ
PHẦN
SANTOMAS
VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
SANTOMAS VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Đông Anh,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SANTOMAS
VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0101206889
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2018-03-29 09:13:16

Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam

Báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam	10 - 33

30811
CÔNG
TY
CỔ PHẦN
SANTOMAS
VIỆT NAM
CHỈ DẪN
HÀNG
KHOẢNG

Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam ("Công ty") là một công ty 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 30/GPDT-KCN-HN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 9 tháng 1 năm 2002, và theo các Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư lần 4 cấp vào ngày 26 tháng 1 năm 2015 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần 8 cấp vào ngày 2 tháng 8 năm 2017.

Vào ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty đã nhận được công văn phê duyệt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và chính thức trở thành một công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là chế tạo và lắp ráp thiết bị số và phụ tùng nhựa chính xác, chế tạo, sản xuất khuôn đúc nhựa chính xác, khuôn đúc thiết bị nhựa chính xác.

Công ty có trụ sở chính tại số 5C, Lô D, Khu Công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam và chi nhánh tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Chua Ah Lay	Chủ tịch
Ông Suwandī Kojodjojo	Thành viên
Bà Lim Sook Seaw	Thành viên
Ông Lim Chiang Hang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Điệp	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Chan Heng Koo	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đoàn Ngọc Quang	Thành viên
Bà Wong Ah Moy	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Chua Ah Lay	Tổng Giám đốc
Bà Lim Sook Seaw	Giám đốc điều hành
Bà Thilagavathi Thannimalay	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Duy Điệp	Giám đốc nhà máy

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Chua Ah Lay.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam ("VND") của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam; và
- ▶ lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

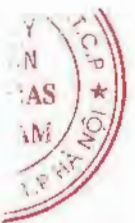
Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đô la Mỹ sang báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam tại Thông tư 200 như được trình bày trong Thuyết minh số 3.1 của báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018





Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60931044/19099878

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài được chuyển đổi sang đồng Việt Nam ("VND") kèm theo của Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND kèm theo. Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đô la Mỹ sang báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") được trình bày trong Thuyết minh số 3.1 của báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đô la Mỹ sang báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND tại Thông tư 200 được trình bày trong Thuyết minh số 3.1 của báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

HÀ NỘI



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đô la Mỹ sang báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND tại Thông tư 200 như được trình bày trong Thuyết minh số 3.1 của báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 và Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND. Báo cáo được chuyển đổi sang VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được lập dựa trên báo cáo tài chính được lập bằng đô la Mỹ cho cùng kỳ báo cáo, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đô la Mỹ sang báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND tại Thông tư 200.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính được lập bằng đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 27 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND được lập nhằm hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ các quy định về nộp báo cáo tài chính của Công ty cho các cơ quan quản lý nhà nước theo yêu cầu của Thông tư 200. Do vậy, báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1



Phùng Mạnh Phú
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		117.623.625.056	115.801.138.590
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	11.700.047.212	28.498.934.375
111	1. Tiền		11.700.047.212	16.798.930.920
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	11.700.003.455
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		81.142.087.656	69.361.676.840
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	76.735.191.512	60.690.647.695
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	4.164.715.324	8.462.478.980
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		242.180.820	208.550.165
140	III. Hàng tồn kho	6	23.377.341.008	16.954.142.690
141	1. Hàng tồn kho		24.085.535.404	16.954.142.690
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(708.194.396)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.404.149.180	986.384.685
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.404.149.180	986.384.685
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		241.569.475.224	167.062.272.870
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		240.704.800	924.350.060
216	1. Phải thu dài hạn khác		240.704.800	924.350.060
220	II. Tài sản cố định		151.103.619.016	85.046.397.600
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	149.876.592.236	83.679.564.235
222	Nguyên giá		423.671.081.092	335.821.357.780
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(273.794.488.856)	(252.141.793.545)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	1.227.026.780	1.366.833.365
228	Nguyên giá		6.246.789.136	5.919.264.240
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.019.762.356)	(4.552.430.875)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.065.663.732	2.182.093.545
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.065.663.732	2.182.093.545
260	IV. Tài sản dài hạn khác		89.159.487.676	78.909.431.665
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	88.153.954.728	78.336.982.975
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	20.3	1.005.532.948	572.448.690
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		359.193.100.280	282.863.411.460



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		85.282.051.260	51.615.721.920
310	I. Nợ ngắn hạn		80.143.889.392	46.660.874.140
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	55.478.800.412	29.438.445.925
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		32.790.352	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	4.249.302.624	4.601.990.280
314	4. Phải trả người lao động		13.869.819.320	10.540.695.830
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	6.278.830.124	1.899.238.420
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		234.346.560	180.503.685
330	II. Nợ dài hạn		5.138.161.868	4.954.847.780
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	13	5.138.161.868	4.954.847.780
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		273.911.049.020	231.247.689.540
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	273.911.049.020	231.247.689.540
411	1. Vốn cổ phần		174.182.190.000	145.151.920.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		174.182.190.000	145.151.920.000
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		27.746.259.431	28.317.128.606
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		71.982.599.589	57.778.640.934
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		11.330.140.534	14.845.416.592
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		60.652.459.055	42.933.224.342
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		359.193.100.280	282.863.411.460

Đặng Thị Thơ
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Chùa Ah Lay
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	436.473.874.595	338.931.218.163
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	436.473.874.595	338.931.218.163
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(321.118.516.068)	(247.956.875.436)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.355.358.527	90.974.342.727
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	494.253.769	551.172.160
22	7. Chi phí tài chính		(352.908.595)	(1.029.689.808)
23	Chi phí lãi vay		(60.449.937)	-
25	8. Chi phí bán hàng	18	(6.799.493.421)	(6.208.918.592)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(36.954.425.410)	(33.329.027.085)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.742.784.870	50.957.879.402
31	11. Thu nhập khác		101.408.688	6.151.475
32	12. Chi phí khác		(457.815.701)	-
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(356.407.013)	6.151.475
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.386.377.857	50.964.030.877
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(11.168.608.597)	(8.215.261.309)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	20.3	434.689.795	184.454.774
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		60.652.459.055	42.933.224.342
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	3.482	2.465
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	3.482	2.465

Đặng Thị Thơ
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Chùa An Lay
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		71.386.377.857	50.964.030.877
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	7,8	23.976.748.518	21.653.572.273
03	Các khoản dự phòng		904.272.902	150.610.477
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(178.873.658)	235.545.570
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(328.306.084)	(271.358.339)
06	Chi phí lãi vay		60.449.937	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		95.820.669.472	72.732.400.858
09	Tăng các khoản phải thu		(11.291.939.190)	(4.854.430.904)
10	Tăng hàng tồn kho		(7.176.686.489)	(2.885.645.738)
11	Tăng các khoản phải trả		18.375.690.432	6.858.738.042
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(10.437.484.669)	4.026.308.155
14	Tiền lãi vay đã trả		(60.449.937)	-
15	Thuế TNDN đã nộp	11	(11.464.108.803)	(7.213.910.901)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		73.765.690.816	68.663.459.512
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)		(73.521.775.857)	(43.791.858.407)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		99.954.800	-
27	Thu lãi tiền gửi		338.710.470	164.993.744
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(73.083.110.587)	(43.626.864.663)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		8.448.202.413	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.448.202.413)	-
36	Cổ tức đã trả		(17.418.230.400)	(18.143.995.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(17.418.230.400)	(18.143.995.500)

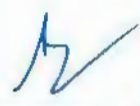


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(16.735.650.171)	6.892.599.349
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.498.934.375	21.513.854.365
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(63.236.992)	92.480.661
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	11.700.047.212	28.498.934.375


Đặng Thị Thơ
Người lập


Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Chưa An Lay
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam ("Công ty") là một công ty 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 30/GPDT-KCN-HN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 9 tháng 1 năm 2002, và theo các Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư lần 4 cấp vào ngày 26 tháng 1 năm 2015 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần 8 cấp vào ngày 2 tháng 8 năm 2017.

Vào ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty đã nhận được công văn phê duyệt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và chính thức trở thành một công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là chế tạo và lắp ráp thiết bị số và phụ tùng nhựa chính xác, chế tạo, sản xuất khuôn đúc nhựa chính xác, khuôn đúc thiết bị nhựa chính xác.

Công ty có trụ sở chính tại số 5C, Lô D, Khu Công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam và chi nhánh tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 445 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 389).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam

Như được trình bày tại Thuyết minh số 2.5, đồng tiền kế toán của Công ty là đô la Mỹ ("USD"). Công ty đã lập báo cáo tài chính trình bày bằng USD cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 27 tháng 3 năm 2017.

Theo yêu cầu tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), ngoài lập báo cáo tài chính trình bày bằng đồng đô la Mỹ, Công ty phải chuyển đổi báo cáo tài chính này sang báo cáo tài chính sử dụng đồng Việt Nam ("VND") làm đồng tiền báo cáo ("báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND"). Báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND được lập nhằm hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ các quy định về nộp báo cáo tài chính của Công ty cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính chuyển đổi sang VND của Công ty được lập dựa trên:

- ▶ báo cáo tài chính trình bày bằng đô la Mỹ được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- ▶ hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng đô la Mỹ sang báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND tại Thông tư 200.

Theo đó, báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là USD.

2.6 Đơn vị tiền tệ để lập báo cáo tài chính

Công ty sử dụng VND làm đồng tiền để lập báo cáo tài chính nộp cho các cơ quan quản lý nhà nước theo hướng dẫn tại Thông tư 200 như được trình bày tại Thuyết minh số 3.1.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng đô la Mỹ sang VND

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và giao dịch cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 trong báo cáo tài chính được lập bằng đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được chuyển sang VND theo các nguyên tắc sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm, là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo;
- ▶ Vốn chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy đổi ra VND bằng cách tính toán theo các khoản mục của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Cổ tức đã trả được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi nhuận;
- ▶ Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân kỳ kế toán;
- ▶ Tỷ giá bình quân kỳ kế toán sử dụng cho mục đích quy đổi được xác định trên cơ sở trung bình tỷ giá hàng ngày ngân hàng thương mại nơi Công ty sử dụng chủ yếu cho các giao dịch trong năm. Công ty lựa chọn áp dụng tỷ giá bình quân kỳ kế toán vì tỷ giá này xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá bình quân áp dụng cho năm 2017 là 22.717 VND cho một USD; và
- ▶ Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Đô la Mỹ được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho khuôn đúc với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho phụ tùng nhựa với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận vào nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc theo giá trị đã được chiết khấu của dòng tiền trong tương lai để thanh toán cho nghĩa vụ hoàn trả mặt bằng của lô đất đã thuê tại thời điểm kết thúc hợp đồng thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Chi phí hoàn trả mặt bằng	40 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ dụng cụ được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất số TLIP-UA-046 ký với Công ty Khu Công nghiệp Thăng Long ngày 22 tháng 12 năm 2006 trong thời hạn 40 năm và hợp đồng thuê đất số VSIPBN/MCS/15280 ký với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh ngày 12 tháng 11 năm 2015 trong thời hạn 42 năm. Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê còn lại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 25 tháng 4 năm 2013.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng

Công ty đang ghi nhận một khoản chi phí hoàn trả mặt bằng vào tài sản nhà cửa và vật kiến trúc của Công ty. Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của chi phí dự kiến phát sinh và được ghi nhận vào tài sản nhà cửa và vật kiến trúc và được khấu trừ theo thời hạn thuê của lô đất mà tài sản và nhà cửa được xây dựng trên lô đất này. Chi phí hoàn trả mặt bằng này được xem xét và điều chỉnh định kỳ. Thay đổi của chi phí dự kiến này sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm vào giá trị của tài sản.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (USD) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành và khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	218.496.376	65.790.850
Tiền gửi ngân hàng	11.481.550.836	16.733.140.070
Các khoản tương đương tiền	-	11.700.003.455
TỔNG CỘNG	11.700.047.212	28.498.934.375

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Canon Việt Nam	55.666.845.360	44.642.028.410
Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam	9.583.093.912	8.237.401.425
Các khách hàng khác	11.485.252.240	7.811.217.860
TỔNG CỘNG	76.735.191.512	60.690.647.695

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Hiệp Ninh Giang	1.823.179.904	-
Công ty TNHH Sanchine Việt Nam	999.152.000	-
Công ty TNHH Tân Kỳ Nguyên	978.578.552	-
Công ty CP Quản lý Xây dựng Nhật Bản	-	7.521.647.060
Công ty TNHH Hong Kong Mould & Dies	-	636.281.750
Các khoản trả trước khác	363.804.868	304.550.170
TỔNG CỘNG	4.164.715.324	8.462.478.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.589.560.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.890.099.676	-	3.466.950.145	-
Công cụ, dụng cụ	1.089.030.264	-	879.912.780	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.748.287.512	(708.194.396)	6.785.722.905	-
Thành phẩm	8.768.557.952	-	5.821.556.860	-
TỔNG CỘNG	24.085.535.404	(708.194.396)	16.954.142.690	-

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	2.246.500
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	708.475.079	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(2.236.900)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thay đổi tỷ giá	(280.683)	(9.600)
Số cuối năm	708.194.396	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	30.505.054.470	297.195.936.750	4.385.495.130	3.734.871.430	335.821.357.780
- Mua trong năm	-	19.109.017.909	-	319.787.209	19.428.805.118
- Đầu tư XD CB hoàn thành	41.914.954.964	28.586.936.498	-	-	70.501.891.462
- Thanh lý, nhượng bán	-	(322.944.872)	(882.032.959)	-	(1.204.977.831)
- Chênh lệch do thay đổi tỷ giá	(92.985.714)	(762.900.345)	(10.631.151)	(9.478.227)	(875.995.437)
Số cuối năm	72.327.023.720	343.806.045.940	3.492.831.020	4.045.180.412	423.671.081.092
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	18.493.531.448	134.016.280.468	635.437.964	970.744.292	154.115.994.172
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	22.887.407.405	224.707.009.095	2.504.241.060	2.043.135.985	252.141.793.545
- Khấu hao trong năm	2.097.892.233	20.412.133.180	408.906.000	578.897.311	23.497.828.724
- Thanh lý, nhượng bán	-	(322.944.872)	(882.032.959)	-	(1.204.977.831)
- Chênh lệch do thay đổi tỷ giá	(58.137.630)	(570.590.127)	(6.082.785)	(5.345.040)	(640.155.582)
Số cuối năm	24.927.162.008	244.225.607.276	2.025.031.316	2.616.688.256	273.794.488.856
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	7.617.647.065	72.488.927.655	1.881.254.070	1.691.735.445	83.679.564.235
Số cuối năm	47.399.861.712	99.580.438.664	1.467.799.704	1.428.492.156	149.876.592.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND
Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số đầu năm	5.919.264.240
- Mua trong năm	342.481.492
- Chênh lệch do thay đổi tỷ giá	(14.956.595)
Số cuối năm	6.246.789.136

Trong đó:

Đã hao mòn hết	3.769.868.620
----------------	---------------

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	4.552.430.875
- Hao mòn trong năm	478.919.794
- Chênh lệch do thay đổi tỷ giá	(11.588.313)
Số cuối năm	5.019.762.356

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	1.366.833.365
Số cuối năm	1.227.026.780

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	678.106.296	366.994.565
Chi phí bảo dưỡng	346.365.124	317.480.690
Chi phí trả trước khác	379.677.760	301.909.430
TỔNG CỘNG	1.404.149.180	986.384.685
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước tại Khu Công nghiệp Thăng Long (i)	12.357.739.016	12.816.285.230
Tiền thuê đất trả trước tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh (ii)	61.433.019.676	63.130.122.330
Công cụ, dụng cụ	4.135.626.376	1.461.353.645
Chi phí bảo dưỡng	9.889.788.160	710.063.115
Chi phí trả trước khác	337.781.500	219.158.655
TỔNG CỘNG	88.153.954.728	78.336.982.975

(i) Đây là tiền thuê đất trả trước theo hợp đồng thuê đất ngày 22 tháng 12 năm 2006 được ký với Công ty Khu Công nghiệp Thăng Long. Giá trị tiền thuê đất trả trước là 750.750 đô la Mỹ cho thời hạn thuê từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 đến ngày 21 tháng 2 năm 2047.

(ii) Đây là khoản tiền thuê đất trả trước theo hợp đồng thuê đất ngày 12 tháng 11 năm 2015 được ký với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh cho dự án đầu tư vào chi nhánh Bắc Ninh của Công ty. Giá trị tiền thuê đất trả trước là 2.829.470 đô la Mỹ cho thời hạn thuê từ ngày 12 tháng 11 năm 2015 đến 20 tháng 11 năm 2057.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH SIK Việt Nam	7.827.129.688	7.827.129.688	6.419.707.235	6.419.707.235
Công ty TNHH Nagase Việt Nam	9.822.027.488	9.822.027.488	6.015.218.715	6.015.218.715
Công ty TNHH Inabata Việt Nam	3.846.644.368	3.846.644.368	4.068.788.450	4.068.788.450
Công ty TNHH S.H.I Plastics Machinery(s) Pte	13.603.272.816	13.603.272.816	-	-
Công ty TNHH Sojitz Việt Nam – chi nhánh Hà Nội	2.823.762.508	2.823.762.508	-	-
Người bán khác	17.555.963.544	17.555.963.544	12.934.731.525	12.934.731.525
TỔNG CỘNG	55.478.800.412	55.478.800.412	29.438.445.925	29.438.445.925

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Chênh lệch do thay đổi tỷ giá	Số cuối năm
Phải nộp					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.920.476.320	11.168.608.597	(11.464.108.803)	(43.394.426)	2.581.581.688
Thuế thu nhập cá nhân	1.681.513.960	3.919.341.293	(3.934.362.420)	(3.222.665)	1.663.270.168
Thuế khác	-	740.165.294	(734.117.303)	(1.597.223)	4.450.768
TỔNG CỘNG	4.601.990.280	15.828.115.184	(16.132.588.526)	(48.214.314)	4.249.302.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng	4.616.559.108	-
Chi phí chuyển gia	210.957.320	635.075.205
Chi phí sản xuất	1.451.313.696	1.245.541.445
Chi phí phải trả khác	-	18.621.770
TỔNG CỘNG	6.278.830.124	1.899.238.420

13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Thay đổi các khoản dự phòng phải trả dài hạn được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng (*)	Dự phòng trợ cấp thời việc	Tổng cộng
Số đầu năm	2.276.500.000	2.678.347.780	4.954.847.780
Tăng trong năm	-	299.069.305	299.069.305
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(103.271.482)	(103.271.482)
Chênh lệch do thay đổi tỷ giá được sử dụng để chuyển đổi	(5.700.000)	(6.783.735)	(12.483.735)
Số cuối năm	2.270.800.000	2.867.361.868	5.138.161.868

(*) Theo Hợp đồng thuê đất ngày 22 tháng 12 năm 2006 với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Khu Công nghiệp Thăng Long ("TLIP"), Công ty có nghĩa vụ tháo dỡ tất cả nhà cửa, kiến trúc và các công trình trên đất và hoàn trả cho TLIP lô đất với hiện trạng như tại thời điểm ban đầu.

Công ty đã ước tính và lập một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất đã thuê khi kết thúc hợp đồng thuê dựa trên bảo giá gần đây nhất của nhà thầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ đã góp	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	120.959.970.000	57.181.362.092	25.203.064.093	203.344.396.185
- Tăng vốn trong năm	24.191.950.000	(24.191.950.000)	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	42.933.224.342	-	42.933.224.342
- Chia cổ tức	-	(18.143.995.500)	-	(18.143.995.500)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-	3.114.064.513	3.114.064.513
Số cuối năm	145.151.920.000	57.778.640.934	28.317.128.606	231.247.689.540
Năm nay				
Số đầu năm	145.151.920.000	57.778.640.934	28.317.128.606	231.247.689.540
- Tăng vốn trong năm (*)	29.030.270.000	(29.030.270.000)	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	60.652.459.055	-	60.652.459.055
- Chia cổ tức (**)	-	(17.418.230.400)	-	(17.418.230.400)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-	(570.869.175)	(570.869.175)
Số cuối năm	174.182.190.000	71.982.599.589	27.746.259.431	273.911.049.020

(*) Vào ngày 28 tháng 4 năm 2017, Công ty đã phát hành 2.903.027 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ 14 ngày 28 tháng 4 năm 2017 và được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận thông qua Công văn số 4581/UBCK-QLCB ngày 6 tháng 7 năm 2017. Vào ngày 2 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh do Sờ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chấp thuận việc tăng vốn này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn cổ phần của Công ty là 174.182.190.000 VND (tương đương 8.774.809 USD).

(**) Cũng theo Nghị quyết 28 tháng 4 năm 2017 của Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ 14, Công ty đã công bố chia cổ tức với số tiền là 17.418.230.400 VND tương đương với 765.636 USD. Công ty đã thanh toán toàn bộ số cổ tức này cho các cổ đông của Công trong năm.

14.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phần	%	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phần	%
Santomas Sdn. Bhd	147.180.060.000	14.718.006	84	122.650.050.000	12.265.005	84
Các cổ đông khác	27.002.130.000	2.700.213	16	22.501.870.000	2.250.187	16
TỔNG CỘNG	174.182.190.000	17.418.219	100	145.151.920.000	14.515.192	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của cổ đông		
Số đầu năm	145.151.920.000	120.959.970.000
Tăng trong năm	29.030.270.000	24.191.950.000
Số cuối năm	174.182.190.000	145.151.920.000
Cổ tức công bố	46.448.500.400	42.335.945.500

14.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	46.448.500.400	42.335.945.500
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2015: VND 1.500/cổ phiếu (tương đương USD 0,067/cổ phiếu)	-	18.143.995.500
Cổ tức bằng tiền cho năm 2016: VND 1.200/cổ phiếu (tương đương USD 0,05/cổ phiếu)	17.418.230.400	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2015 theo tỷ lệ 1:5	-	24.191.950.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2016 theo tỷ lệ 1:5	29.030.270.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	-

14.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	17.418.219	174.182.190.000	14.515.192	145.151.920.000
Cổ phiếu đã phát hành	17.418.219	174.182.190.000	14.515.192	145.151.920.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	17.418.219	174.182.190.000	14.515.192	145.151.920.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	17.418.219	174.182.190.000	14.515.192	145.151.920.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính được chuyển đổi sang đồng Việt Nam này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Việt Nam đồng (VND)	2.744.501.940	12.410.922.204

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	436.473.874.595	338.931.218.163
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	429.741.827.947	332.782.718.240
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.615.508.438	6.018.647.878
Doanh thu bán phế liệu	116.538.210	129.852.045
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	436.473.874.595	338.931.218.163
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	429.741.827.947	332.782.718.240
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.615.508.438	6.018.647.878
Doanh thu bán phế liệu	116.538.210	129.852.045
Trong đó:		
Doanh thu từ bên khác	436.473.874.595	338.304.215.093
Doanh thu từ bên liên quan	-	627.003.070

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	228.351.284	271.358.339
Lãi chênh lệch tỷ giá	265.902.485	279.813.821
TỔNG CỘNG	494.253.769	551.172.160

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	317.833.069.943	245.486.353.600
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.576.971.046	2.472.758.736
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	708.475.079	(2.236.900)
TỔNG CỘNG	321.118.516.068	247.956.875.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	3.057.458.313	2.604.198.980
- Chi phí vận chuyển hàng hóa	3.349.667.084	3.162.081.840
- Chi phí khấu hao và hao mòn	109.041.600	107.371.200
- Chi phí khác	283.326.424	335.266.572
TỔNG CỘNG	6.799.493.421	6.208.918.592
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	17.781.277.410	16.619.809.096
- Chi phí khấu hao và hao mòn	1.043.119.206	606.669.649
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.546.780.836	10.176.172.587
- Chi phí khác	5.583.247.958	5.926.375.753
TỔNG CỘNG	36.954.425.410	33.329.027.085

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.688.699.892	152.888.357.008
Chi phí nhân công	84.772.688.145	70.338.716.537
Chi phí khấu hao và hao mòn	23.976.748.518	21.653.572.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.857.331.295	32.737.076.238
Chi phí khác	13.811.186.339	12.065.838.600
TỔNG CỘNG	368.106.654.189	289.683.560.656

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối với thu nhập phát sinh tại nhà máy tại trụ sở chính của Công ty

Theo Giấy phép Đầu tư số 30/GPDT-KCN-HN ngày 9 tháng 1 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 10% thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế trong vòng 4 năm đầu tiên bắt đầu từ khi có lãi và được giảm 50% trong vòng 4 năm tiếp theo.

Theo quy định của Thông tư 199/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, các công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về tỷ lệ xuất khẩu được quyền lựa chọn để tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho thời gian còn lại tương ứng với các điều kiện thực tế doanh nghiệp đáp ứng ưu đãi đầu tư quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN có hiệu lực trong thời gian từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập. Do Công ty được thành lập vào năm 2002 nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng thuế suất 15% là mức thuế suất ưu đãi nhất theo Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và Nghị định sửa đổi 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 do Chính phủ ban hành và áp dụng từ năm 2012. Theo đó, thuế suất thuế TNDN của Công ty cho năm 2017 là 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Đối với thu nhập phát sinh tại nhà máy tại chi nhánh Bắc Ninh

Công ty hưởng thuế suất ưu đãi của dự án ban đầu (15%) đối với lợi nhuận tính thuế phát sinh từ dự án mở rộng theo Thông tư 96/2015/TT-BTC về luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.168.608.597	8.215.261.309
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(434.689.795)	(184.454.774)
TỔNG CỘNG	10.733.918.802	8.030.806.535

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.386.377.857	50.964.030.877
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các hoạt động tương ứng	10.724.400.379	7.644.605.750
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Phụ cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp tham gia điều hành Công ty	136.302.000	134.214.000
Chi phí không được khấu trừ	104.157.445	251.986.785
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận năm trước	(230.941.022)	-
Chi phí thuế TNDN	10.733.918.802	8.030.806.535

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Hao mòn quyền sử dụng đất ở VSIP Bắc Ninh	314.755.588	-	314.755.588	-
Lỗ thuần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	295.204	37.334.600	(37.039.396)	31.111.795
Chi phí trích trước không hợp lệ	154.141.904	133.357.370	20.784.534	133.357.370
Trợ cấp thôi việc phải trả	430.112.228	401.756.720	28.355.508	28.321.025
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	106.228.024	-	106.228.024	-
Chênh lệch phát sinh từ chuyển đổi	-	-	1.605.537	(8.335.416)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	1.005.532.948	572.448.690		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			434.689.795	184.454.774

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Santomas Sdn. Bhd	Cổ đông lớn	Bán khuôn	-	627.003.070
		Phí tư vấn quản lý	3.180.380.000	2.907.970.000
		Cổ tức đã công bố	39.248.006.722	35.772.922.530

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua bán hàng hóa hoặc dịch vụ với các bên liên quan theo hợp đồng đã ký kết.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác				
Santomas Sdn. Bhd	Cổ đông lớn	Chi phí trả hộ	76.889.288	-
TỔNG CỘNG			76.889.288	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	8.733.596.084	8.027.115.650
Phúc lợi khác	518.947.148	566.942.305
TỔNG CỘNG	9.252.543.232	8.594.057.955

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	60.652.459.055	42.933.224.342
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	60.652.459.055	42.933.224.342
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	17.418.219	17.418.219
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản	3.482	2.465
Lãi suy giảm	3.482	2.465

Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh tăng 2.903.027 cổ phiếu để phản ánh số cổ phiếu phát hành trong năm 2017 từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh số 14.1).

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm do Công ty sản xuất. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm hàng hóa do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thiết bị số và phụ tùng nhựa chính xác	Khuôn đúc nhựa chính xác, khuôn đúc thiết bị nhựa chính xác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu thuần			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	395.368.735.247	41.105.139.348	436.473.874.595
Kết quả			
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	61.376.790.600	10.009.587.257	71.386.377.857
Chi phí thuế TNDN	(9.531.303.539)	(1.637.305.058)	(11.168.608.597)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	294.821.226	139.868.569	434.689.795
Lợi nhuận thuần sau thuế	52.140.308.287	8.512.150.768	60.652.459.055
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	133.210.214.592	17.893.404.424	151.103.619.016
Tài sản không phân bổ	-	-	208.089.481.264
Tổng tài sản	133.210.214.592	17.893.404.424	359.193.100.280
Công nợ không phân bổ	-	-	85.282.051.260
Tổng công nợ	-	-	85.282.051.260
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định			
Tài sản cố định hữu hình	88.914.338.000	1.016.358.580	89.930.696.580
Tài sản cố định vô hình	342.481.492	-	342.481.492
Khấu hao và hao mòn	17.524.143.687	6.452.604.831	23.976.748.518
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu thuần			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	301.577.292.170	37.353.925.993	338.931.218.163
Kết quả			
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	40.731.130.506	10.232.900.371	50.964.030.877
Chi phí thuế TNDN	(6.622.297.712)	(1.592.963.597)	(8.215.261.309)
Thuế TNDN hoãn lại	171.346.540	13.108.234	184.454.774
Lợi nhuận thuần sau thuế	34.280.179.334	8.653.045.008	42.933.224.342
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	61.660.322.870	23.386.074.730	85.046.397.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND		
	Thiết bị số và phụ tùng nhựa chính xác	Khuôn đúc nhựa chính xác, khuôn đúc thiết bị nhựa chính xác	Tổng cộng
Tài sản không phân bổ	-	-	197.817.013.860
Tổng tài sản	61.660.322.870	23.386.074.730	282.863.411.460
Công nợ không phân bổ	-	-	51.615.721.920
Tổng công nợ	-	-	51.615.721.920
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định			
Tài sản cố định hữu hình	14.091.821.299	58.651.518	14.150.472.817
Khấu hao và hao mòn	15.145.893.317	6.507.678.956	21.653.572.273

24. CÁC CAM KẾT

Công ty hiện thuê căn hộ cho người nước ngoài theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.151.272.892	2.462.398.990
Từ 1 đến 5 năm	61.288.892	4.097.700
TỔNG CỘNG	1.212.561.784	2.466.496.690

Công ty có cam kết theo hợp đồng liên quan tới phí dịch vụ quản lý hàng năm với giá 1 USD/m²/năm cho khoảng đất rộng 10.725 mét vuông phải trả cho Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long cho giai đoạn từ 22 tháng 12 năm 2006 đến ngày 21 tháng 2 năm 2047.

Công ty cũng có cam kết theo Hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh liên quan đến phí dịch vụ và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng với mức phí 0,25 USD/m²/tháng trong thời gian 42 năm.

Cam kết khác

Theo hợp đồng thuê đất ngày 12 tháng 11 năm 2015 với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh ("VSIP"), Công ty có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ công trình, vật kiến trúc và các tài sản lưu động trên đất và hoàn trả lại cho VSIP mảnh đất như điều kiện ban đầu tại thời điểm VSIP bàn giao cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty cho rằng ảnh hưởng của nghĩa vụ này đối với báo cáo tài chính năm nay không trọng yếu. Theo đó, không có dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng được trích lập trên báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI SANG ĐỒNG VIỆT NAM (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một tài sản tiềm tàng liên quan đến khoản yêu cầu bồi thường bảo hiểm đối với Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp Việt Nam. Khoản bồi thường này bao gồm các chi phí sửa chữa và khôi phục một số máy móc thuộc Nhà kho số 2 của Công ty đã bị hư hại do vụ hỏa hoạn vào tháng 5 năm 2014. Do giá trị khoản bồi thường này chưa được hai bên thống nhất, Công ty không ghi nhận khoản phải thu nào trên báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu sự điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.



Đặng Thị Thơ
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Chứa Anh Lay
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30

302-C
IG TY
HH
& YC
T NA
HAI
NỘ
M -

Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam ("Công ty") là một công ty 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 30/GPDT-KCN-HN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 9 tháng 1 năm 2002, và theo các Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư lần 4 cấp vào ngày 26 tháng 1 năm 2015 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần 8 cấp vào ngày 2 tháng 8 năm 2017.

Vào ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty đã nhận được công văn phê duyệt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và chính thức trở thành một công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là chế tạo và lắp ráp thiết bị số và phụ tùng nhựa chính xác, chế tạo, sản xuất khuôn đúc nhựa chính xác, khuôn đúc thiết bị nhựa chính xác.

Công ty có trụ sở chính tại số 5C, Lô D, Khu Công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam và chi nhánh tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Chua Ah Lay	Chủ tịch
Ông Suwandi Kojodjojo	Thành viên
Bà Lim Sook Seaw	Thành viên
Ông Lim Chiang Hang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Điệp	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Chan Heng Koo	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đoàn Ngọc Quang	Thành viên
Bà Wong Ah Moy	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Chua Ah Lay	Tổng Giám đốc
Bà Lim Sook Seaw	Giám đốc điều hành
Bà Thilagavathi Thannimalay	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Duy Điệp	Giám đốc nhà máy

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Chua Ah Lay.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

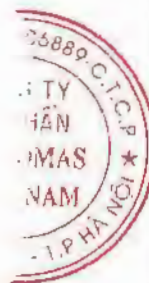
Thay mặt Ban Giám đốc:



Ông Chửu Ah Lay
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018



CÔNG TY
CỔ PHẦN
SANTOMAS
VIỆT NAM
TP. HÀ NỘI

Số tham chiếu: 60931044/19099878

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1575-2018-004-1

Phùng Mạnh Phú
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: USD

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.179.832	5.086.806
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	515.239	1.251.875
111	1. Tiền		515.239	737.928
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	513.947
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.573.282	3.046.856
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	3.379.214	2.665.963
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	183.403	371.732
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		10.665	9.161
140	III. Hàng tồn kho	6	1.029.476	744.746
141	1. Hàng tồn kho		1.060.663	744.746
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(31.187)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		61.835	43.329
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	61.835	43.329
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.638.078	7.338.558
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.600	40.604
216	1. Phải thu dài hạn khác		10.600	40.604
220	II. Tài sản cố định		6.654.202	3.735.840
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	6.600.167	3.675.799
222	Nguyên giá		18.657.349	14.751.652
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(12.057.182)	(11.075.853)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	54.035	60.041
228	Nguyên giá		275.092	260.016
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(221.057)	(199.975)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		46.929	95.853
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		46.929	95.853
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.926.347	3.466.261
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.882.066	3.441.115
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	20.3	44.281	25.146
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.817.910	12.425.364



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

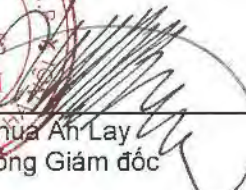
Đơn vị tính: USD

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.755.595	2.267.328
310	I. Nợ ngắn hạn		3.529.324	2.049.676
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	2.443.139	1.293.145
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.444	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	187.128	202.152
314	4. Phải trả người lao động		610.790	463.022
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	276.503	83.428
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		10.320	7.929
330	II. Nợ dài hạn		226.271	217.652
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	13	226.271	217.652
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.062.315	10.158.036
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	12.062.315	10.158.036
411	1. Vốn cổ phần		8.774.809	7.498.753
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		8.774.809	7.498.753
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.287.506	2.659.283
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		617.591	739.965
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		2.669.915	1.919.318
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.817.910	12.425.364


Đặng Thị Thơ
Người lập

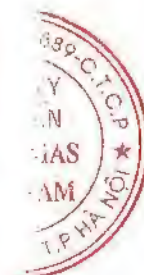

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng




Chùa An Lay
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: USD

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	19.213.535	15.151.827
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.1	19.213.535	15.151.827
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	17	(14.135.604)	(11.084.844)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.077.931	4.066.983
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	21.757	24.640
22	7. Chi phí tài chính		(15.535)	(46.032)
23	Chi phí lãi vay		(2.661)	-
25	8. Chi phí bán hàng	18	(299.313)	(277.568)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(1.626.730)	(1.489.965)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.158.110	2.278.058
31	11. Thu nhập khác		4.464	275
32	12. Chi phí khác		(20.153)	-
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(15.689)	275
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.142.421	2.278.333
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(491.641)	(367.261)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	20.3	19.135	8.246
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.669.915	1.919.318
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	0,15	0,11
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	0,15	0,11

Đặng Thị Thơ
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

11/01/2018
TỶ
CƠ
AN
ĐỊ
1/1

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: USD

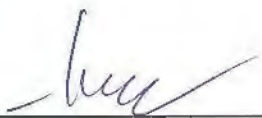
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		3.142.421	2.278.333
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	7,8	1.055.454	968.017
03	Các khoản dự phòng		39.806	6.733
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.874)	10.530
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(14.452)	(12.131)
06	Chi phí lãi vay		2.661	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.218.016	3.251.482
09	Tăng các khoản phải thu		(497.070)	(217.016)
10	Tăng hàng tồn kho		(315.917)	(129.002)
11	Tăng các khoản phải trả		808.896	306.618
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(459.457)	179.995
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.661)	-
15	Thuế TNDN đã nộp	11	(505.607)	(323.709)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.246.200	3.068.368
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)		(3.236.421)	(1.957.703)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		4.400	-
27	Thu lãi tiền gửi		14.910	7.376
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.217.111)	(1.950.327)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		371.889	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(371.889)	-
36	Cổ tức đã trả		(765.636)	(812.891)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(765.636)	(812.891)



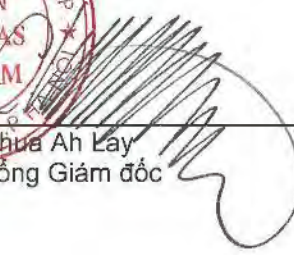
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: USD

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(736.547)	305.150
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.251.875	957.661
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(89)	(10.936)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	515.239	1.251.875


Đặng Thị Thơ
Người lập


Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Chưa Ah Lay
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Santomas Việt Nam ("Công ty") là một công ty 100% vốn nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 30/GPDT-KCN-HN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 9 tháng 1 năm 2002, và theo các Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh/Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư lần 4 cấp vào ngày 26 tháng 1 năm 2015 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần 8 cấp vào ngày 2 tháng 8 năm 2017.

Vào ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty đã nhận được công văn phê duyệt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và chính thức trở thành một công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là chế tạo và lắp ráp thiết bị số và phụ tùng nhựa chính xác, chế tạo, sản xuất khuôn đúc nhựa chính xác, khuôn đúc thiết bị nhựa chính xác.

Công ty có trụ sở chính tại số 5C, Lô D, Khu Công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội, Việt Nam và chi nhánh tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 445 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 389).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đô la Mỹ ("USD") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là USD.

Công ty sử dụng đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán ("đồng tiền kế toán") phù hợp hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") vì phần lớn các nghiệp vụ của Công ty được thực hiện bằng USD.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho khuôn đúc với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho phụ tùng nhựa với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận vào nguyên giá của nhà cửa, vật kiến trúc theo giá trị đã được chiết khấu của dòng tiền trong tương lai để thanh toán cho nghĩa vụ hoàn trả mặt bằng của lô đất đã thuê tại thời điểm kết thúc hợp đồng thuê đất.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Chi phí hoàn trả mặt bằng	40 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ dụng cụ được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất số TLIP-UA-046 ký với Công ty Khu Công nghiệp Thăng Long ngày 22 tháng 12 năm 2006 trong thời hạn 40 năm và hợp đồng thuê đất số VSIPBN/MCS/15280 ký với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh ngày 12 tháng 11 năm 2015 trong thời hạn 42 năm. Tiền thuê đất trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê còn lại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 25 tháng 4 năm 2013.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng

Công ty đang ghi nhận một khoản chi phí hoàn trả mặt bằng vào tài sản nhà cửa và vật kiến trúc của Công ty. Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của chi phí dự kiến phát sinh và được ghi nhận vào tài sản nhà cửa và vật kiến trúc và được khấu trừ theo thời hạn thuê của lô đất mà tài sản và nhà cửa được xây dựng trên lô đất này. Chi phí hoàn trả mặt bằng này được xem xét và điều chỉnh định kỳ. Thay đổi của chi phí dự kiến này sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm vào giá trị của tài sản.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (USD) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được hoàn thành và khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: USD	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	9.622	2.890
Tiền gửi ngân hàng	505.617	735.038
Các khoản tương đương tiền	-	513.947
TỔNG CỘNG	515.239	1.251.875

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: USD	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Canon Việt Nam	2.451.420	1.960.994
Công ty TNHH Công nghiệp Brother Việt Nam	422.014	361.845
Các khách hàng khác	505.780	343.124
TỔNG CỘNG	3.379.214	2.665.963

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: USD	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hiệp Ninh Giang	80.288	-
Công ty TNHH Sanchine Việt Nam	44.000	-
Công ty TNHH Tân Kỳ Nguyên	43.094	-
Công ty CP Quản lý Xây dựng Nhật Bản	-	330.404
Công ty TNHH Hong Kong Mould & Dies	-	27.950
Các khoản trả trước khác	16.021	13.378
TỔNG CỘNG	183.403	371.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: USD

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	70.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	215.347	-	152.293	-
Công cụ, dụng cụ	47.958	-	38.652	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	341.214	(31.187)	298.077	-
Thành phẩm	386.144	-	255.724	-
TỔNG CỘNG	1.060.663	(31.187)	744.746	-

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: USD

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	100
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	31.187	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(100)
Số cuối năm	31.187	-

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: USD

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	1.339.998	13.054.950	192.642	164.062	14.751.652
- Mua trong năm	-	841.177	-	14.077	855.254
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.845.092	1.258.394	-	-	3.103.486
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.216)	(38.827)	-	(53.043)
Số cuối năm	3.185.090	15.140.305	153.815	178.139	18.657.349
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	814.406	5.901.721	27.983	42.749	6.786.859
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	1.005.377	9.870.723	110.004	89.749	11.075.853
- Khấu hao trong năm	92.349	898.540	18.000	25.483	1.034.372
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.216)	(38.827)	-	(53.043)
Số cuối năm	1.097.726	10.755.047	89.177	115.232	12.057.182
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	334.621	3.184.227	82.638	74.313	3.675.799
Số cuối năm	2.087.364	4.385.258	64.638	62.907	6.600.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: USD
Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số đầu năm	260.016
- Mua trong năm	15.076
Số cuối năm	275.092

Trong đó:

Đã hao mòn hết	166.015
----------------	---------

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	199.975
- Hao mòn trong năm	21.082
Số cuối năm	221.057

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	60.041
Số cuối năm	54.035

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: USD

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	29.862	16.121
Chi phí bảo dưỡng	15.253	13.946
Chi phí trả trước khác	16.720	13.262
TỔNG CỘNG	61.835	43.329
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước tại Khu Công nghiệp Thăng Long (i)	544.202	562.982
Tiền thuê đất trả trước tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh (ii)	2.705.347	2.773.122
Công cụ, dụng cụ	182.122	64.193
Chi phí bảo dưỡng	435.520	31.191
Chi phí trả trước khác	14.875	9.627
TỔNG CỘNG	3.882.066	3.441.115

(i) Đây là tiền thuê đất trả trước theo hợp đồng thuê đất ngày 22 tháng 12 năm 2006 được ký với Công ty Khu Công nghiệp Thăng Long. Giá trị tiền thuê đất trả trước là 750.750 đô la Mỹ cho thời hạn thuê từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 đến ngày 21 tháng 2 năm 2047.

(ii) Đây là khoản tiền thuê đất trả trước theo hợp đồng thuê đất ngày 12 tháng 11 năm 2015 được ký với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh cho dự án đầu tư vào chi nhánh Bắc Ninh của Công ty. Giá trị tiền thuê đất trả trước là 2.829.470 đô la Mỹ cho thời hạn thuê từ ngày 12 tháng 11 năm 2015 đến 30 tháng 11 năm 2057.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: USD

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH SIK Việt Nam	344.686	344.686	281.999	281.999
Công ty TNHH Nagase Việt Nam	432.536	432.536	264.231	264.231
Công ty TNHH Inabata Việt Nam	169.396	169.396	178.730	178.730
Công ty TNHH S.H.I Plastics Machinery(s) Pte	599.052	599.052	-	-
Công ty TNHH Sojitz Việt Nam – chi nhánh Hà Nội	124.351	124.351	85.649	85.649
Người bán khác	773.118	773.118	482.536	482.536
TỔNG CỘNG	2.443.139	2.443.139	1.293.145	1.293.145

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: USD

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
Phải nộp					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	128.288	491.641	(505.607)	(636)	113.686
Thuế thu nhập cá nhân	73.864	172.529	(173.654)	507	73.246
Thuế khác	-	32.582	(32.443)	57	196
TỔNG CỘNG	202.152	696.752	(711.704)	(72)	187.128

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: USD

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng	203.301	-
Chi phí chuyên gia	9.290	27.897
Chi phí sản xuất	63.912	54.713
Chi phí phải trả khác	-	818
TỔNG CỘNG	276.503	83.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Thay đổi các khoản dự phòng phải trả dài hạn được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: USD		
	Dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng (*)	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Tổng cộng
Số đầu năm	100.000	117.652	217.652
Tăng trong năm	-	13.165	13.165
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(4.546)	(4.546)
Số cuối năm	100.000	126.271	226.271

(*) Theo Hợp đồng thuê đất ngày 22 tháng 12 năm 2006 với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Khu Công nghiệp Thăng Long ("TLIP"), Công ty có nghĩa vụ tháo dỡ tất cả nhà cửa, kiến trúc và các công trình trên đất và hoàn trả cho TLIP lô đất với hiện trạng như tại thời điểm ban đầu.

Công ty đã ước tính và lập một khoản dự phòng chi phí hoàn trả mặt bằng cho lô đất đã thuê khi kết thúc hợp đồng thuê dựa trên báo giá gần đây nhất của nhà thầu.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: USD		
	Vốn điều lệ đã góp	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	6.414.155	2.637.454	9.051.609
- Tăng vốn trong năm	1.084.598	(1.084.598)	-
- Lợi nhuận trong năm	-	1.919.318	1.919.318
- Chia cổ tức	-	(812.891)	(812.891)
Số cuối năm	7.498.753	2.659.283	10.158.036
Năm nay			
Số đầu năm	7.498.753	2.659.283	10.158.036
- Tăng vốn trong năm (*)	1.276.056	(1.276.056)	-
- Lợi nhuận trong năm	-	2.669.915	2.669.915
- Chia cổ tức (**)	-	(765.636)	(765.636)
Số cuối năm	8.774.809	3.287.506	12.062.315

(*) Vào ngày 28 tháng 4 năm 2017, Công ty đã phát hành 2.903.027 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ 14 ngày 28 tháng 4 năm 2017 và được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận thông qua Công văn số 4581/UBCK-QLCB ngày 6 tháng 7 năm 2017. Vào ngày 2 tháng 8 năm 2017, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội chấp thuận việc tăng vốn này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn cổ phần của Công ty là 174.182.190.000 VND (tương đương 8.774.809 USD).

(**) Cũng theo Nghị quyết 28 tháng 4 năm 2017 của Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ 14, Công ty đã công bố chia cổ tức với số tiền là 17.418.230.400 VND tương đương với 765.636 USD. Công ty đã thanh toán toàn bộ số cổ tức này cho các cổ đông của Công trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phần	%	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phần	%
Santomas Sdn. Bhd	147.180.060.000	14.718.006	84	122.650.050.000	12.265.005	84
Các cổ đồng khác	27.002.130.000	2.700.213	16	22.501.870.000	2.250.187	16
TỔNG CỘNG	174.182.190.000	17.418.219	100	145.151.920.000	14.515.192	100

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Đơn vị tính: USD	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của cổ đông		
Số đầu năm	7.498.753	6.414.155
Tăng trong năm	1.276.056	1.084.598
Số cuối năm	8.774.809	7.498.753
Cổ tức công bố	2.041.692	1.897.489

14.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: USD	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	2.041.692	1.897.489
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2015: VND 1.500/cổ phiếu (tương đương USD 0,067/cổ phiếu)	-	812.891
Cổ tức bằng tiền cho năm 2016: VND 1.200/cổ phiếu (tương đương USD 0,05/cổ phiếu)	765.636	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2015 theo tỷ lệ 1:5	-	1.084.598
Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2016 theo tỷ lệ 1:5	1.276.056	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	17.418.219	174.182.190.000	14.515.192	145.151.920.000
Cổ phiếu đã phát hành	17.418.219	174.182.190.000	14.515.192	145.151.920.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	17.418.219	174.182.190.000	14.515.192	145.151.920.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	17.418.219	174.182.190.000	14.515.192	145.151.920.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

15. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Việt Nam đồng (VND)	2.744.501.940	12.410.922.204

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: USD	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	19.213.535	15.151.827
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	18.917.191	14.876.960
Doanh thu cung cấp dịch vụ	291.214	269.062
Doanh thu bán phế liệu	5.130	5.805
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	19.213.535	15.151.827
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	18.917.191	14.876.960
Doanh thu cung cấp dịch vụ	291.214	269.062
Doanh thu bán phế liệu	5.130	5.805
Trong đó:		
Doanh thu từ bên khác	19.213.535	15.123.797
Doanh thu từ bên liên quan	-	28.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DOANH THU (tiếp theo)

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: USD

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	10.052	12.131
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.705	12.509
TỔNG CỘNG	21.757	24.640

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: USD

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	13.990.979	10.974.400
Giá vốn dịch vụ cung cấp	113.438	110.544
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	31.187	(100)
TỔNG CỘNG	14.135.604	11.084.844

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: USD

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	134.589	116.420
- Chi phí vận chuyển hàng hóa	147.452	141.360
- Chi phí khấu hao và hao mòn	4.800	4.800
- Chi phí khác	12.472	14.988
TỔNG CỘNG	299.313	277.568
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	782.730	742.984
- Chi phí khấu hao và hao mòn	45.918	27.121
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	552.308	454.923
- Chi phí khác	245.774	264.937
TỔNG CỘNG	1.626.730	1.489.965

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: USD

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.790.276	6.834.832
Chi phí nhân công	3.731.685	3.144.473
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.055.454	968.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.018.635	1.463.502
Chi phí khác	607.967	539.400
TỔNG CỘNG	16.204.017	12.950.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối với thu nhập phát sinh tại nhà máy tại trụ sở chính của Công ty

Theo Giấy phép Đầu tư số 30/GPDT-KCN-HN ngày 9 tháng 1 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 10% thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế trong vòng 4 năm đầu tiên bắt đầu từ khi có lãi và được giảm 50% trong vòng 4 năm tiếp theo.

Theo quy định của Thông tư 199/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, các công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về tỷ lệ xuất khẩu được quyền lựa chọn để tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho thời gian còn lại tương ứng với các điều kiện thực tế doanh nghiệp đáp ứng ưu đãi đầu tư quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN có hiệu lực trong thời gian từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập. Do Công ty được thành lập vào năm 2002 nên Ban Giám đốc Công ty cho rằng thuế suất 15% là mức thuế suất ưu đãi nhất theo Nghị định 24/2000/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 và Nghị định sửa đổi 27/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2003 do Chính phủ ban hành và áp dụng từ năm 2012. Theo đó, thuế suất thuế TNDN của Công ty cho năm 2017 là 15%.

Đối với thu nhập phát sinh tại nhà máy tại chi nhánh Bắc Ninh

Công ty hưởng thuế suất ưu đãi của dự án ban đầu ("15%") đối với lợi nhuận tính thuế phát sinh từ dự án mở rộng theo Thông tư 96/2015/TT-BTC về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: USD	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	491.641	367.261
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(19.135)	(8.246)
TỔNG CỘNG	472.506	359.015

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: USD	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.142.421	2.278.333
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các hoạt động tương ứng	472.087	341.750
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Phụ cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp tham gia điều hành Công ty	6.000	6.000
Chi phí không được khấu trừ	4.585	11.265
Thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận năm trước	(10.166)	-
Chi phí thuế TNDN	472.506	359.015

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: USD				
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lỗi thuần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13	1.640	(1.627)	1.363
Chi phí trích trước không hợp lệ	6.788	5.858	930	5.858
Trợ cấp thôi việc phải trả	18.941	17.648	1.293	1.025
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.678	-	4.678	-
Khác	13.861	-	13.861	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	44.281	25.146		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			19.135	8.246

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: USD				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Santomas Sdn. Bhd	Cổ đông lớn	Bán khuôn	-	28.030
		Phí tư vấn quản lý	140.000	130.000
		Cổ tức đã công bố	1.725.187	1.603.807

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua bán hàng hóa hoặc dịch vụ với các bên liên quan theo hợp đồng đã ký kết.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: USD				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác				
Santomas Sdn. Bhd	Cổ đông lớn	Chi phí trả hộ	3.386	-
TỔNG CỘNG			3.386	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Đơn vị tính: USD	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	384.452	358.850
Phúc lợi khác	22.844	25.345
TỔNG CỘNG	407.296	384.195

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: USD	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.669.915	1.919.318
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	2.669.915	1.919.318
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	17.418.219	17.418.219
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản</i>	<i>0,15</i>	<i>0,11</i>
<i>Lãi suy giảm</i>	<i>0,15</i>	<i>0,11</i>

Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh tăng 2.903.027 cổ phiếu để phản ánh số cổ phiếu phát hành trong năm 2017 từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh số 14.1).

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm do Công ty sản xuất. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm hàng hóa do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ thị trường khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: USD		
	Thiết bị số và phụ tùng nhựa chính xác	Khuôn đúc nhựa chính xác, khuôn đúc thiết bị nhựa chính xác	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu thuần			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	17.404.091	1.809.444	19.213.535
Kết quả			
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	2.701.800	440.621	3.142.421
Chi phí thuế TNDN	(419.567)	(72.074)	(491.641)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	12.978	6.157	19.135
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.295.211	374.704	2.669.915
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	5.866.224	787.978	6.654.202
Tài sản không phân bổ	-	-	9.163.708
Tổng tài sản	5.866.224	787.978	15.817.910
Công nợ không phân bổ	-	-	3.755.595
Tổng công nợ	-	-	3.755.595
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định			
Tài sản cố định hữu hình	3.914.000	44.740	3.958.740
Tài sản cố định vô hình	15.076	-	15.076
Khấu hao và hao mòn	771.411	284.043	1.055.454
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu thuần			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	13.481.930	1.669.897	15.151.827
Kết quả			
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	1.820.874	457.459	2.278.333
Chi phí thuế TNDN	(296.048)	(71.213)	(367.261)
Thuế TNDN hoãn lại	7.660	586	8.246
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.532.486	386.832	1.919.318
Tài sản và công nợ			
Tài sản bộ phận	2.708.558	1.027.282	3.735.840
Tài sản không phân bổ	-	-	8.689.524
Tổng tài sản	2.708.558	1.027.282	12.425.364
Công nợ không phân bổ	-	-	2.267.328
Tổng công nợ	-	-	2.267.328
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định			
Tài sản cố định hữu hình	629.971	2.622	632.593
Khấu hao và hao mòn	677.093	290.924	968.017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC CAM KẾT

Công ty hiện thuê căn hộ cho người nước ngoài theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: USD	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	50.699	108.166
Từ 1 đến 5 năm	2.699	180
TỔNG CỘNG	53.398	108.346

Công ty có cam kết theo hợp đồng liên quan tới phí dịch vụ quản lý hàng năm với giá 1 USD/m²/năm cho khoảng đất rộng 10.725 mét vuông phải trả cho Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long cho giai đoạn từ 22 tháng 12 năm 2006 đến ngày 21 tháng 2 năm 2047.

Công ty cũng có cam kết theo Hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh liên quan đến phí dịch vụ và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng với mức phí 0,25 USD/m²/tháng trong thời gian 42 năm.

Cam kết khác

Theo hợp đồng thuê đất ngày 12 tháng 11 năm 2015 với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh ("VSIP"), Công ty có nghĩa vụ tháo dỡ toàn bộ công trình, vật kiến trúc và các tài sản lưu động trên đất và hoàn trả lại cho VSIP mảnh đất như điều kiện ban đầu tại thời điểm VSIP bàn giao cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty cho rằng ảnh hưởng của nghĩa vụ này đối với báo cáo tài chính năm nay không trọng yếu. Do đó, dự phòng phải trả hoàn trả mặt bằng không được lập trên báo cáo tài chính.

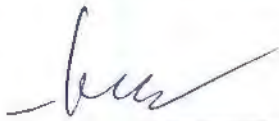
25. TÀI SẢN TIỀM TANG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một tài sản tiềm tàng liên quan đến khoản yêu cầu bồi thường bảo hiểm đối với Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp Việt Nam. Khoản bồi thường này bao gồm các chi phí sửa chữa và khôi phục một số máy móc thuộc Nhà kho số 2 của Công ty đã bị hư hại do vụ hỏa hoạn vào tháng 5 năm 2014. Do giá trị khoản bồi thường này chưa được hai bên thống nhất, Công ty không ghi nhận khoản phải thu nào trên báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

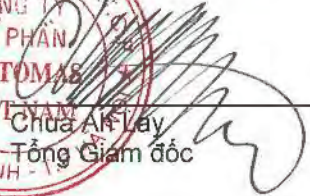
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu sự điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.



Đặng Thị Thơ
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Chưa An Lay
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

